

**SỞ Y TẾ TỈNH ĐIỆN BIÊN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1184/BVT-TCHC
V/v: Báo giá chi phí bảo hiểm cháy nổ
bắt buộc năm 2025 của Bệnh viện đa
khoa tỉnh Điện Biên.

Điện Biên, ngày 22 tháng 7 năm 2025

Kính gửi: Các đơn vị kinh doanh, cung cấp dịch vụ.

Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 06 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ Quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ quyết định số 576/QĐ - SYT ngày 27/6/2022 của Sở Y tế tỉnh Điện Biên về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị SNCL thuộc Sở Y tế giai đoạn 2022-2026;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ- BVT ngày 14/02/2025 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ 2025;

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-BVT ngày 21/02/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh ban hành Quy chế Quản lý tài sản công.

Căn cứ các quy định hiện hành của nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, bảo hiểm cháy nổ. Hiện tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên có nhu cầu tái tục bảo hiểm cháy nổ bắt buộc năm 2025 cho đơn vị. Bệnh viện đa khoa tỉnh kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp dịch vụ bảo hiểm cháy nổ, nội dung cụ thể như sau:

1. Tên đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên

Địa chỉ: Phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên

Mã số thuế: 5600179012.

Người đại diện: Ông Phạm Tiến Biên Chức vụ: Giám đốc

2. Tài sản mua bảo hiểm cháy nổ:

Danh mục hàng hóa mua bảo hiểm cháy nổ theo Phụ lục 1 đính kèm.

3. Mục đích yêu cầu báo giá:

Làm căn cứ xác định giá và tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định.

4. Điều kiện cung cấp dịch vụ bảo hiểm:

Được cấp có thẩm quyền cấp phép hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm tài sản và thiệt hại (Có giấy phép kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ trong đó có nghiệp vụ bảo hiểm cháy nổ bắt buộc).

5. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Nguyễn Minh Tuấn

Chức vụ: Viên chức Phòng Tổ chức hành chính

Số điện thoại: 0588274444

Địa chỉ Email: phongtochuchanhchinhbvtddb@gmail.com

6. Cách tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại địa chỉ: Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên (Tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên).

7. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 10 giờ ngày 22 tháng 7 năm 2025 đến trước 11 giờ ngày 28 tháng 7 năm 2025. Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

8. Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 28/7/2025.

9. Mẫu báo giá: Theo Phụ lục đính kèm.

Mẫu chào giá hàng hóa, dịch vụ: theo Phụ lục 2 đính kèm

10. Thời gian hiệu lực của Bảo hiểm: 01 năm.

Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên trân trọng cảm ơn./.

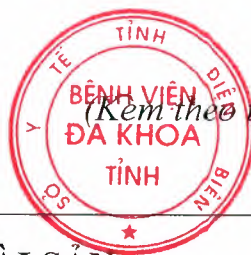
GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang thông tin ĐTBV;
- Ban Giám đốc BV;
- Phòng TCKT;
- Lưu: VT, TCHC.



TS.BS. Phạm Tiến Biên



PHỤ LỤC SỐ 01

(Kèm theo thư mời báo giá số: 1184 /TM-BVT ngày 22/7/2025
của Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên)

STT	TÀI SẢN	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại 2024
I. Nhà cửa				8	1,768,170,287	677,315,063
1	Nhà đặt thiết bị xử lý chất thải	2019		1	534,050,641	355,944,752
2	Nhà lưu trữ chất thải rắn	2019		1	294,718,646	196,429,978
3	Nhà cấp 4 để máy hệ thống ô xy	2012		1	939,401,000	124,940,333
II. Vật kiến trúc				5	2,218,382,196	1,331,029,318
1	Đường điện hệ thống máy lọc thận	2021	Hạng mục	1	110,568,475	66,341,085
2	Hạng mục Phòng cháy chữa cháy	2021	Hạng mục	1	2,107,813,721	1,264,688,233
III. Máy móc thiết bị						
				541	174,658,821,706	87,832,172,100
1	Hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tự động	2024	Cái	1	1,472,100,000	1,288,087,500
2	Máy xét nghiệm huyết học tự động	2024	Cái	1	315,000,000	275,625,000

3	Máy xét nghiệm máu lắng	2024	Cái	1	57,750,000	50,531,250
4	Máy phân tích khí máu	2024	Cái	1	126,000,000	110,250,000
5	Máy xét nghiệm HbA1C	2024	Cái	1	126,000,000	110,250,000
6	Máy xét nghiệm nước tiểu	2024	Cái	1	52,500,000	45,937,500
7	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
8	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
9	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
10	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
11	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
12	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
13	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
14	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
15	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925

16	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
17	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
18	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
19	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
20	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
21	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
22	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
23	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
24	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
25	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
26	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
27	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925

28	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
29	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
30	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
31	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
32	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
33	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
34	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
35	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
36	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
37	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
38	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
39	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925

40	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,628	18,169,925
41	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,627	18,169,924
42	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,627	18,169,924
43	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,627	18,169,924
44	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,627	18,169,924
45	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,627	18,169,924
46	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn bệnh nhân 6 thông số Shenzhen	2024	Cái	1	20,765,627	18,169,924
47	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
48	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
49	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
50	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
51	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
52	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
53	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625

54	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
55	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
56	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
57	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
58	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
59	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
60	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
61	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
62	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
63	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
64	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
65	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
66	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
67	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
68	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
69	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625

70	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
71	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
72	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
73	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
74	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
75	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
76	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
77	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
78	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
79	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
80	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
81	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
82	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
83	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
84	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
85	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625

86	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
87	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
88	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
89	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
90	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
91	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
92	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
93	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
94	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
95	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
96	Bơm tiêm điện Bene Fushion	2024	Cái	1	12,075,000	10,565,625
97	Máy định danh vi khuẩn làm KSD tự động (Model: Vitek2 Compact. Serial VK2C12893.SX năm 2013)	2024	Cái	1	12,960,000	11,340,000
98	Máy khoan xương YTZJ-B	2024	Cái	1	28,130,000	24,613,750
99	Máy khoan xương YTZJ-B	2024	Cái	1	28,130,000	24,613,750
100	Máy mài cầm tay có chổi than để mài răng xúr Rotex 782E/DHEF	2024	Cái	1	18,817,920	16,465,680

101	Máy mài cầm tay có chổi than để mài răng xú Rotex 782E/DHEF	2024	Cái	1	18,817,920	16,465,680
102	Máy tầm soát ung thư cổ tử cung	2024	Cái	1	83,575,800	73,128,825
103	Forceps gấp sỏi cỡ 5 FR	2024		1	25,530,000	22,338,750
104	Forceps gấp sỏi cỡ 5 FR	2024		1	25,530,000	22,338,750
105	Thiết bị mạng định tuyến cân bằng tải trung tâm	2024	Cái	1	25,500,000	22,312,500
106	Máy siêu âm chuyên sản, model: LogiqF6, no: 612630WXO	2024	Cái	1	85,000,000	74,375,000
107	Màn hình y tế chuyên dụng FHD	2024	Cái	1	98,000,000	85,750,000
108	Hệ thống lò đốt rác thải	2024	Cái	1	339,680,000	297,220,000
109	Máy bơm nước Ebara	2024	Cái	1	19,200,000	16,800,000
110	Hệ thống xử lý nước RO cho máy HDF online	2024	Hệ thống	1	150,000,000	131,250,000
111	Hệ thống rửa quả lọc tự động 10 cổng	2024	Hệ thống	1	435,000,000	380,625,000
112	Hệ thống nội soi dạ dày- đại tràng video	2024	Cái	1	219,182,901	191,785,038
113	Máy thở VFS 510 +Pin dự phòng SKU	2024	Cái	1	72,238,433	63,208,629
114	Máy thở VFS 510 +Pin dự phòng SKU	2024	Cái	1	72,238,433	63,208,629
115	Màn hình y tế cho hệ thống máy nội soi	2024	Cái	1	82,000,000	71,750,000

116	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số Model: Efficia CM120	2023	Cái	8	640,000,000	480,000,000
117	Dao mổ điện cao tần Model: ESU-X300NT	2023	Cái	4	1,032,000,000	774,000,000
118	Đèn mổ treo trần Model: LEDVISION 101	2023	Cái	4	2,320,000,000	1,740,000,000
119	Máy siêu âm xách tay 3 đầu dò Model: Versana Active	2023	Cái	1	890,000,000	667,500,000
120	Máy X quang di động (Hệ thống máy X-quang di động cao tần Model: Mux-10	2023	Cái	2	1,700,000,000	1,275,000,000
121	Máy siêu âm tổng quát (máy siêu âm Doppler màu 3 đầu dò Model: Arietta 50	2023	Cái	2	1,780,000,000	1,335,000,000
122	Máy siêu âm tổng quát sản (máy siêu âm màu 3 đầu dò) Model: Arietta 50	2023	Cái	1	900,000,000	675,000,000
123	Máy siêu âm màu 2 đầu dò Model: Versana Balance	2023	Cái	1	815,000,000	611,250,000
124	Bơm tiêm điện Model: TE-SS730	2023	Cái	38	912,000,000	684,000,000
125	Máy đo áp lực nội sọ Model: PSO-4000	2023	Cái	2	1,324,000,000	993,000,000
126	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số (có IBP) Model: BSM-3562	2023	Cái	6	1,018,800,000	764,100,000
127	Máy theo dõi bệnh nhân 7 thông số (có IBP và ETCO2) Model: BSM-3562	2023	Cái	4	837,000,000	627,750,000
128	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số (có theo dõi độ mê sâu) Model máy chính: B125	2023	Cái	1	315,000,000	236,250,000

129	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển bằng điện (giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện) Model: MA-53380V	2023	Cái	11	1,155,000,000	866,250,000
130	Hệ thống máy lọc nước RO model RO-13200	2023	Cái	1	980,000,000	735,000,000
131	Tủ điện hệ thống nước RO	2022	Cái	1	14,000,000	8,750,000
132	Bơm nước Ebara	2022	Cái	1	13,000,000	8,125,000
133	Hệ thống tán sỏi laser (tán sỏi qua da) ACU-H2J	2022	Cái	1	4,800,000,000	3,000,000,000
134	Máy gây mê Carestation 650 A1	2022	Cái	1	1,060,000,000	662,500,000
135	Máy hút áp lực thấp Constant 1400	2022	Cái	3	46,500,000	29,062,500
136	Phòng áp lực âm xét nghiệm Realtime RT-PCR	2022	Cái	1	444,367,746	277,729,841
137	Hệ thống khí y tế trung tâm (Nhà 4 tầng)	2022	Cái	1	686,470,000	429,043,750
138	Thiết bị Chuẩn đoán và định lượng Virut Realtime PCR	2022	Cái	1	2,068,665,000	1,292,915,625
139	Thay thế phụ kiện cho hệ thống máy CT Scanner	2022	Cái	1	709,900,000	443,687,500
140	Forceps gấp giữ quang học	2022	Cái	1	33,220,000	20,762,500
141	Forceps gấp sỏi	2022	Cái	1	22,300,000	13,937,500
142	Tay khoan nha khoa (tay khoan chậm)	2022	Cái	3	53,795,700	33,622,313
143	Máy xét nghiệm nước tiểu auto 100	2022	Cái	1	92,500,000	57,812,500

144	Bàn mổ đa năng điện thủy lực Alvo Etiuda 4-02	2022	Cái	4	2,200,000,000	1,375,000,000
145	Máy gây mê kèm thở có theo dõi khí mê Carestatin 620 A1	2022	Cái	2	1,900,000,000	1,187,500,000
146	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số B125 Critikon de Mexico S.DE R.L.DE C.V	2022	Cái	12	1,896,000,000	1,185,000,000
147	Máy thận nhân tạo Dialog+ B.Braun	2022	Cái	12	4,548,000,000	3,842,500,000
148	Máy chạy thận nhân tạo (HDF online)	2022	Cái	1	645,000,000	403,125,000
149	Máy sấy khí DGO480	2022	Cái	1	71,500,000	44,687,500
150	Máy trị liệu xoa bóp tuần hoàn khí Power - Q6000	2022	Cái	1	42,000,000	26,250,000
151	Máy kích thích thần kinh cơ Stimuplex HNS 12	2022	Cái	2	75,900,000	47,437,500
152	Ghế khám Tai mũi họng GI -100	2022	Cái	1	72,500,000	45,312,500
153	Bảng mạch nguồn cao áp 20134020 Karl Storz	2022	Cái	1	54,000,000	33,750,000
154	Bóng đèn Xenon 300w 20133028 Karl Storz	2022	Cái	1	33,500,000	20,937,500
155	Máy thở xâm nhập VFS-410	2021	Cái	3	318,000,000	174,900,000
156	Máy truyền dịch TE LF630	2021	Cái	10	447,620,000	223,810,000
157	Bơm tiêm điện terumo TE-SS730	2021	Cái	1	36,804,000	18,402,000
158	Tủ âm sâu chuyên dụng MDF U5412 PB	2021	Cái	1	278,514,000	139,257,000

159	Nồi hấp tiệt trùng TC75	2021	Cái	2	1,919,816,000	959,908,000
160	Bơm tiêm điện terumo TE-SS730	2021	Cái	9	331,236,000	165,618,000
161	Kính hiển vi điện tử kết nối camera	2021	Cái	1	298,408,000	149,204,000
162	Tủ lạnh trữ máu MBR 305GR PE	2021	Cái	1	298,409,000	149,204,500
163	Bơm tiêm điện terumo TE-SS730	2021	Cái	2	73,608,000	36,804,000
164	Bơm tiêm điện terumo TE-SS730	2021	Cái	5	184,020,000	92,010,000
165	Máy truyền dịch TE LF630	2021	Cái	9	402,858,000	201,429,000
166	Bơm tiêm điện terumo TE-SS730	2021	Cái	2	73,608,000	36,804,000
167	Bơm tiêm điện terumo TE-SS730	2021	Cái	3	110,412,000	55,206,000
168	Bơm tiêm điện terumo TE-SS730	2021	Cái	10	368,040,000	184,020,000
169	Bơm tiêm điện terumo TE-SS730	2021	Cái	2	73,608,000	36,804,000
170	Máy thận nhân tạo Dialog 710200I	2021	Cái	2	1,094,166,000	547,083,000
171	Máy truyền dịch TE LF630	2021	Cái	1	44,762,000	22,381,000
172	Bơm tiêm điện terumo TE-SS730	2021	Cái	1	36,804,000	18,402,000
173	Máy sấy công nghiệp T41200	2021	Cái	1	705,250,000	352,625,000
174	Dao mổ điện cao tần Force FX-8C	2021	Cái	1	242,000,000	121,000,000

175	Đèn mổ treo trần Chromophare F268/F268	2021	Cái	1	745,000,000	372,500,000
176	Máy in phim Xquang Drystar 5302	2021	Cái	1	93,000,000	46,500,000
177	Máy phân tích điện giải tự động Auto ISE500	2021	Cái	1	92,000,000	46,000,000
178	Máy điện tim 3 cần ECG2150	2021	Cái	1	45,000,000	22,500,000
179	Máy khoan phẫu thuật RHM	2021	Cái	1	19,500,000	9,750,000
180	Máy khoan xương điện RJ-PD (ND-2011)	2021	Cái	1	95,300,000	47,650,000
181	Máy holter điện tim EC-3H	2021	Cái	1	97,000,000	48,500,000
182	Máy khí máu gem premier 3000	2021	Cái	1	96,000,000	48,000,000
183	Máy truyền dịch TE LF630	2021	Cái	1	35,500,000	17,750,000
184	Thiết bị tập xoay eo	2021	Cái	1	18,400,000	9,200,000
185	Thiết bị tập đạp chân	2021	Cái	1	16,500,000	8,250,000
186	Thiết bị tập đi bộ lắc tay	2021	Bộ	1	14,600,000	7,300,000
187	Thiết bị tập lưng bụng	2021	Cái	1	12,000,000	6,000,000
188	Thiết bị tập chèo thuyền	2021	Cái	1	16,300,000	8,150,000
189	Bơm tiêm điện	2021	Cái	1	37,500,000	18,750,000
190	Bơm tiêm điện	2021	Cái	1	37,500,000	18,750,000

191	Máy điều trị bằng sóng siêu âm Sono one	2021	Cái	1	70,000,000	35,000,000
192	Kiosk thông tin All in one	2021	Cái	1	58,200,000	29,100,000
193	Bộ dụng cụ phẫu thuật dạ dày Divus	2020	Bộ	1	386,900,000	174,105,000
194	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động 1200 test/h Monarch 1200	2020	Bộ	1	3,576,000,000	1,341,000,000
195	Máy Xquang có cánh tay chữ C (máy xquang di động C-arm dùng cho phẫu thuật) BV Endura	2020	Cái	1	6,008,000,000	2,253,000,000
196	Máy thở Vsmart	2020	Cái	1	106,000,000	47,700,000
197	Máy thở Vsmart	2020	Cái	2	212,000,000	79,500,000
198	Máy thở Vsmart	2020	Cái	1	106,000,000	39,750,000
199	Máy xét nghiệm huyết học 33 thông số	2020	Cái	1	630,881,238	236,580,464
200	Tủ lạnh âm sâu	2020	Cái	1	84,521,000	31,695,375
201	Máy thở 3000 ICU	2020	Cái	1	378,000,000	170,100,000
202	Máy gây mê kèm thở AM5000	2020	Cái	1	406,000,000	182,700,000
203	Máy phân tích sinh hóa tự động FA-400	2020	Cái	1	225,000,000	101,250,000
204	Hệ thống Elisa	2020	Hệ thống	1	179,436,251	80,746,313
205	Bàn mổ chấn thương chỉnh hình đa năng Alvo Etiuda 4-02(điện thủy lực)	2020	Bộ	1	1,551,763,000	581,911,125

206	Máy hấp nhiệt độ thấp plasma lạnh - đóng gói vô khuẩn tự động, chuyên dùng cho dụng cụ y tế Hmed ASP-22A	2020	Cái	1	1,902,474,000	713,427,750
207	Máy rửa tự động đa kết hợp siêu âm - phun xoáy áp lực - khử khuẩn bậc cao chuyên dùng cho dụng cụ y tế Hmed AMC-22A	2020	Cái	1	1,093,316,000	409,993,500
208	Máy thở dùng cho hồi sức cấp cứu Carescape R860	2020	Cái	1	1,047,251,000	392,719,125
209	Máy thở dùng cho hồi sức cấp cứu Carescape R860	2020	Cái	1	1,047,251,000	392,719,125
210	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số GE Healthcare B105 (SQE20150009SA)	2020	Máy	1	248,680,000	93,255,000
211	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số GE Healthcare B105 (SQE20150012SA, SQE20150016SA)	2020	Máy	2	497,360,000	186,510,000
212	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số GE Healthcare B105 (SQE20150010SA)	2020	Máy	1	248,680,000	93,255,000
213	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số GE Healthcare B105 (SQE20150007SA)	2020	Máy	1	248,680,000	93,255,000
214	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số GE Healthcare B105 (SQE20150002SA)	2020	Máy	1	248,680,000	93,255,000
215	Máy thở cho người lớn, trẻ em và trẻ sơ sinh Carescape R860 CBRZ01075	2020	Máy	1	959,872,000	359,952,000
216	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số GE Healthcare B105 (SQE20150003SA)	2020	Máy	1	248,680,000	93,255,000
217	Giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện CGMF Chang Gung	2020	Cái	1	139,236,000	52,213,500

218	Bộ dụng cụ phẫu thuật dạ dày Elcon	2020	Bộ	1	392,720,000	147,270,000
219	Bộ dụng cụ phẫu thuật mạch máu Elcon	2020	Bộ	1	228,794,000	85,797,750
220	Máy chạy thận nhân tạo Dialog+ Braun(Serial: 514(71,72,73,74,75))	2020	Cái	5	2,735,590,000	2,025,846,250
221	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số GE Healthcare B105 (SQE20150020SA)	2020	Cái	1	248,680,000	93,255,000
222	Giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện CGMF Chang Gung	2020	Cái	3	417,708,000	156,640,500
223	Máy theo dõi sản khoa 2 chức năng Corometric 171 GE Healthcare (SN: SNU193500(44,45)PAS	2020	Máy	2	377,768,000	141,663,000
224	Máy soi cổ tử cung AL 106 medgyn (SN:Z11BBIM0003)	2020	Máy	1	303,362,000	113,760,750
225	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản khoa Elcon	2020	Bộ	1	158,883,000	59,581,125
226	Bồn rửa tay vô khuẩn (bồn rửa tay phẫu thuật) BR-02C	2020	Bộ	1	79,571,000	29,839,125
227	Máy thở cho người lớn, trẻ em và trẻ sơ sinh Carescape R860 (SN: CBRZ01079)	2020	Máy	1	959,872,000	359,952,000
228	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số GE Healthcare B105 (SQE20150015SA, SQE20150018SA)	2020	Máy	2	497,360,000	186,510,000
229	Giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện CGMF Chang Gung	2020	Máy	3	417,708,000	156,640,500
230	Máy đo chức năng hô hấp A23-0J08458 Spirolab	2020	Máy	1	158,932,000	59,599,500

231	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số GE Healthcare B105 (SQE20150006SA)	2020	Cái	1	248,680,000	93,255,000
232	Hệ thống monitor trung tâm 18 màn hình đầu giường GE Healthcare MAS700	2020	Hệ thống	1	596,806,000	223,802,250
233	Máy thở cho người lớn, trẻ em và trẻ sơ sinh Carescape R860 (SN: CBRY02577)	2020	Máy	1	959,872,000	359,952,000
234	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số GE Healthcare B105	2020	Máy	18	4,476,240,000	2,678,590,000
235	Giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện CGMF Chang Gung	2020	Cái	10	1,392,360,000	522,135,000
236	Máy thở cho người lớn, trẻ em và trẻ sơ sinh Carescape R860 (SN: CBRY02578)	2020	Máy	1	959,872,000	359,952,000
237	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số GE Healthcare B105 (SQE20200003SA)	2020	Máy	1	248,680,000	93,255,000
238	Giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện CGMF Chang Gung	2020	Cái	5	696,180,000	261,067,500
239	Máy điện tim 6 cần ECG-1250K Nihonkohden (SN:15950)	2020	Máy	1	70,000,000	26,250,000
240	Máy đo huyết áp tự động BP868F Ampall	2020	Cái	1	75,000,000	28,125,000
241	Mua đầu dò siêu âm UST-5413 cho máy siêu âm đa dụng Aloka	2020	Cái	1	96,000,000	36,000,000
242	Giường cấp cứu đa năng G2TQ-3A	2020	Cái	7	94,500,000	35,437,500
243	Máy khoan xương điện Ruijin	2020	Cái	1	98,500,000	36,937,500

244	máy hàn dây túi máu se250	2020	Cái	1	93,000,000	34,875,000
245	bồn tắm trẻ sơ sinh BTSS-01	2020	Cái	1	96,400,000	36,150,000
246	máy ly tâm ống máu S300T Kubuta	2020	Cái	1	97,000,000	36,375,000
247	Hệ thống cắt lớp vi tính	2010	Hệ thống	1	9,168,600,000	7,607,173,102
248	Hệ thống X-Quang kỹ thuật số DR	2010	Hệ thống	1	3,668,000,000	3,668,000,000
249	Máy chụp X-Quang tăng sáng truyền hình C-Arm	2011	Cái	1	1,589,200,000	1,513,999,557
250	Hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động	2010	Hệ thống	1	1,464,750,000	1,464,750,000
251	Máy gây mê kèm thở chức năng	2008	Cái	2	1,510,000,000	1,510,000,000
252	Máy siêu âm màu 4D	2008	Cái	1	1,290,000,000	1,290,000,000
253	Bộ nhuộm tiêu bản thủ công cho khoa XN	2019	Cái	1	11,000,000	2,750,000
254	Camera soi răng miệng cho khoa RHM	2019	Cái	1	12,437,250	3,109,313
255	Đèn khám mắt hình búa	2018	Cái	1	34,023,000	8,505,750
256	Bộ kính thử thị lực kèm theo gọng	2018	Bộ	1	34,023,000	8,505,750
257	bàn kéo nắn bó bột từ TTYT huyện tủa chùa điều chuyển về cho khoa CTCH bỏng	2019	Cái	1	32,500,000	11,375,000
258	Máy điện tim 3 cần ECG-2150 cho khoa KB	2019	Cái	1	38,000,000	9,500,000

259	Máy thở cho trẻ sơ sinh Cpap AD-I pigeon cho khoa nhi	2019	Cái	1	48,300,000	12,075,000
260	Máy nội soi tai mũi họng INV250	2017	Cái	1	94,200,000	11,775,000
261	Máy đo huyết áp tự động BP868F cho khoa Khám Bệnh	2019	Cái	1	75,000,000	18,750,000
262	Bàn thủ thuật đa năng cho khoa Sản	2019	Cái	2	90,000,000	31,500,000
263	Máy sắc thuốc đóng gói tự động 2 nồi YJX20/2+1(50-250)C cho khoa YHCT	2019	Cái	1	93,000,000	23,250,000
264	Máy điện xung, điện phân điều trị Firing cho khoa PHCN	2019	Cái	1	95,000,000	23,750,000
265	Máy đo tim thai cho khoa sản	2019	Cái	1	96,600,000	24,150,000
266	Máy xoa bóp Power Q-6000 plus cho khoa YHCT	2019	Cái	2	97,000,000	24,250,000
267	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số Model: PVM2701 - No: 11651 Hãng SX: NIHONKOHDEL-Nhật	2017	Cái	1	144,600,000	18,075,000
268	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số Model: PVM2701 - No: 11651 Hãng SX: NIHONKOHDEL-Nhật	2017	Cái	1	144,600,000	18,075,000
269	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số Model: PVM2701 - No: 11000 Hãng SX: NIHONKOHDEL-Nhật	2017	Cái	1	144,600,000	18,075,000
270	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số	2017	Cái	1	144,600,000	18,075,000

	Model: PVM2701 - No: 11000 Hãng SX: NIHONKOHDEL-Nhật					
271	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số Model: PVM2701 - No: 11000 Hãng SX: NIHONKOHDEL-Nhật	2017	Cái	1	144,600,000	18,075,000
272	Holter điện tim EC -3H	2017	Bộ	1	199,000,000	24,875,000
273	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số SVM7603 cho khoa HSTC-CD	2019	Cái	1	176,987,000	44,246,750
274	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số SVM7603 cho khoa Cấp cứu	2019	Cái	1	176,987,000	44,246,750
275	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số Model: PVM2701 - No: 11651 Hãng SX: NIHONKOHDEL-Nhật	2017	Cái	2	289,200,000	36,150,000
276	Giường cấp cứu đa năng Puro	2018	Cái	1	245,000,000	30,625,000
277	Sửa chữa lồng ấp trẻ sơ sinh				96,000,000	72,000,000
278	Máy xét nghiệm HBA1c	2018	Cái	1	300,000,000	75,000,000
279	Máy xét nghiệm nước tiểu tự động H800	2017	Cái	1	399,000,000	49,875,000
280	Bộ khám điều trị nội soi TMH	2018	Bộ	1	392,253,000	98,063,250
281	Holter huyết áp EC -ABP	2017	Bộ	2	478,000,000	59,750,000
282	Máy kéo giãn cột sống cổ, ngực, lưng với 8 dạng kéo, 5 tốc độ kéo và hiển thị bằng 10 ngôn ngữ (	2017	Bộ	1	510,000,000	63,750,000

	bàn điện thủy lực nâng hạ, thay đổi độ cao)					
283	Máy xét nghiệm huyết học tự động Convergys X5	2017	Cái	1	546,000,000	68,250,000
284	Giường cấp cứu đa năng Puro	2018	Cái	2	490,000,000	61,250,000
285	Máy điều trị sóng ngắn xung loại 1 cần SW-201	2017	Bộ	2	600,000,000	75,000,000
286	Hệ thống ghế nha khoa	2018	Hệ thống	1	507,097,000	126,774,250
287	Sửa chữa màn hình nội soi và tay khoan Karl Storz	2023			48,000,000	36,000,000
288	Máy đo điện não 24 kênh kỹ thuật số NS-EEG-D-1 cho khoa Nội TH	2019	Cái	1	586,565,000	146,641,250
289	Máy xét nghiệm đông máu tự động Coalab1000 CL1K-09	2017	Cái	1	817,000,000	102,125,000
290	Máy thở di động HT70plus cho khoa HSTC và chống độc	2019	Cái	1	594,000,000	148,500,000
291	Máy rửa siêu âm tự động xoáy áp lực hydro gen tam máu chuyên dụng cho dụng cụ y tế cho khoa KSNK	2019	Cái	1	626,547,000	156,636,750
292	Giường cấp cứu đa năng Puro	2018	Cái	3	735,000,000	91,875,000
293	máy thở cho người lớn và trẻ em(Puritan Benrt) Model: PB840 No1: 3512171560; No2: 3512171561 Hãng SX/ Xuất xứ: Medtronic/Covidien Ireland	2017	Bộ	1	974,500,000	121,812,500

294	Máy thở cao cấp có chức năng thử nghiệm cai thở tự nhiên Carescape R860	2017	Bộ	1	1,098,200,000	137,275,000
295	Máy thở cao cấp có chức năng thử nghiệm cai thở tự nhiên Carescape R860	2017	Bộ	1	1,098,200,000	137,275,000
296	Máy đông máu tự động, Model: STA COMPACT MAX, Stago Pháp	2016	Cái	1	1,445,000,000	1,445,000,000
297	Máy phân tích huyết học tự động XN550 sysmex_NB	2018	Cái	1	974,000,000	121,750,000
298	Máy sấy nhiệt độ thấp công nghệ 2 cửa khử khuẩn uvc tự động chuyên dùng cho dụng cụ y tế	2019	Cái	1	886,535,000	221,633,750
299	Máy thở di động HT70plus cho khoa cấp cứu	2019	Cái	2	1,188,000,000	297,000,000
300	Máy siêu âm dopple màu Acuson X300 PE	2017	Bộ	1	1,868,000,000	233,500,000
301	máy thở cho người lớn và trẻ em(Puritan Benrt) Model: PB840 No1: 3512171560; No2: 3512171561 Hãng SX/ Xuất xứ: Medtronic/Covidien Ireland	2017	Bộ	1	974,500,000	121,812,500
302	máy thở cho người lớn và trẻ em(Puritan Benrt) Model: PB840 No1: 3512171560; No2: 3512171561 Hãng SX/ Xuất xứ: Medtronic/Covidien Ireland	2017	Bộ	1	974,500,000	121,812,500
303	Máy thở bellavista 1000 IMT medical	2019	Cái	2	1,663,600,000	582,260,000
304	Bóng XQ dunlee CTR 2150	2018	Cái	1	2,395,000,000	713,885,866

305	Hệ thống nội soi dạ dày- đại tràng video	2018	Hệ thống	1	2,499,500,000	1,312,437,500
306	Máy gây mê kèm thở ADS II infinium medical.inc	2019	Cái	2	2,297,400,000	804,090,000
307	Máy thở cao cấp có chức năng thử nghiệm cai thở tự nhiên Carescape R860	2017	Bộ	3	3,294,600,000	411,825,000
308	Máy siêu âm đa dụng aloka	2018	Cái	1	3,398,000,000	849,500,000
309	Hệ thống phẫu thuật nội soi (bao gồm: Bộ máy chính phục vụ nội soi full hd, bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng)	2017	Hệ thống	1	4,475,100,000	559,387,500
310	Modunle xét nghiệm miễn dịch tự động	2018	Cái	1	3,995,000,000	2,499,375,000
311	Hệ thống chụp xquang DR2 control-X medical.inc	2019	Hệ thống	1	5,998,800,000	2,099,580,000
312	Hệ thống máy chụp cắt lớp điện toán 16 dãy Somatom go.now	2018	Hệ thống	1	12,464,000,000	3,116,000,000
	Tổng cộng : 317 danh mục					79.059.655



PHỤ LỤC SỐ 02

(Kèm theo thư mời báo giá số: 1184/TM-BVT ngày 22/7/2025
của Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên)

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Số Fax:

Địa chỉ Email (nếu có):

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên

[Tên đơn vị thẩm định giá] xin gửi tới bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên lời chào trân trọng.

[Tên đơn vị thẩm định giá] Là nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực

Chúng tôi được biết quý Cơ quan đang chuẩn bị tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu [tên gói thầu] Tên đơn vị thẩm định giá [ghi tên địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] nhận thấy có đủ khả năng hoàn thành tốt công tác thẩm định giá cho gói thầu nêu trên vì vậy chúng tôi xin gửi tới quý bệnh viện báo giá (gửi kèm các tài liệu chứng minh năng lực nhà thầu, bảng dự toán chi tiết) chi tiết như sau:

1. Báo giá cung cấp hàng hoá dịch vụ:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1						
2						
...						
	Cộng:					
	Thuế giá trị gia tăng%					
	Tổng cộng:					

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 90 ngày, kể từ ngày..... tháng năm[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 15 ngày], kể từ ngày..... tháng.... năm.....[ghi ngày..... tháng..... năm..... Kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin khoản 5 mục 1 – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp

- Giá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ CUNG CẤP